

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Ngày 30 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/7/2025; **Quyết định hoãn phiên tòa số /2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 05/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số /2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 05/8/2025** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Hàn N, sinh năm 1998 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Ngô Hùng Q, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: G P, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17/4/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Lê Hàn N trình bày:

Chị N và anh Ngô Hùng Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/01/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở riêng sau đó chuyển về sống cùng ba mẹ vợ ở phường T, thành phố K. Vợ chồng thường xuyên không có tiếng nói chung, cãi vã, có khoảng thời gian vợ chồng tôi cãi nhau thì tôi bỏ đi, hiện nay đã không sống cùng với nhau, không còn quan tâm, tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn tôi yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh Ngô Hùng Q.

- Con chung: Có 01 con chung cháu Ngô Ngọc H, sinh ngày 07/4/2023, khi ly

hôn yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Ngô Hùng Q: Tại phiên toà anh Q vắng mặt không có lý do dù được Toà án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Toà án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh Q có trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 10/6/2025, hoà giải như sau: Vợ chồng anh chị kết hôn năm 2023 ở UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là không được tôn trọng, sống không hoà thuận, cãi nhau cũng có một thời gian chị N bỏ đi không chung sống với nhau. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N nên không đồng ý ly hôn. Về con chung có 01 con chung là Ngô Ngọc H, sinh ngày 07/4/2023, nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con chung đến 18 tuổi và anh cấp dưỡng hàng tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Hàn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con chung với anh Ngô Hùng Q có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi (cũ thành phố K, tỉnh Kon Tum). Đây là tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Ngô Hùng Q có bản trình bày ý kiến, vắng mặt không lý do tại phiên toà xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh Ngô Hùng Q.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hàn N và anh Ngô Hùng Q đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 27/01/2023. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Hàn N và anh Ngô Hùng Q là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị N cho rằng sau khi kết hôn chị và anh Q chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh Q gia trưởng, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh chị trước đây ra ở riêng nhưng do vợ chồng áp lực kinh tế thường xuyên cãi nhau, sau đó đã về nhà mẹ chị N ở nhưng anh Q và chị N vẫn không có tiếng nói chung, vẫn cãi vã, có một thời gian chị N bỏ đi không chung sống với anh Q, hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ thời gian nộp đơn đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Q.

Tại phiên tòa, chị N khẳng định không còn tình cảm yêu thương với anh Q nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Mẹ ruột chị N bà Ngô Thị Ánh T có trình bày: Vợ chồng chị N sinh sống với gia đình bà được 02 năm, quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên cãi nhau, gia đình cũng đứng ra hoà giải để vợ chồng hàn gắn nhưng không được, hiện tại anh Q đã ra ở riêng một thời gian được khoảng 03 tháng, hôn nhân anh chị Quang N1 trầm trọng không có khả năng đoàn tụ và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy: anh chị đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân một thời gian và hiện tại anh Q đã chuyển ra ở riêng không chung sống với chị N1. Do đó, HĐXX nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung Ngô Ngọc H, sinh ngày 07/4/2023.

Khi ly hôn chị N1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng. Tại bản tự khai và biên bản hoà giải, anh Q đồng ý đối với yêu cầu giao con chung cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, và anh Q cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh Q cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi và sống tự lập được.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Hàn N và anh Ngô Hùng Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của chị Lê Hàn N đề ngày 17/4/2025.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hàn N được ly hôn với anh Ngô Hùng Q.

Về con chung: Giao con chung là Ngô Ngọc H, sinh ngày 07/4/2023 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Ngô Hùng Q cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) Thời gian cấp dưỡng: kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi và sống tự lập được.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày chị Lê Hàn N có đơn thi hành án, nếu anh Q không chu cấp tiền cấp dưỡng thì anh Q phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả, các đương sự thỏa thuận lãi suất chậm trả áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Ngô Hùng Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Hàn N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000454 ngày 06/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum (Nay Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi). Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh Ngô Hùng Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2025) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ry Thị Mỹ Hoàng

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Hàn Ni phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000454 ngày 06/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum (Nay Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi). Chị Ni đã nộp đủ án phí.

Anh Ngô Hùng Quang phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

- **Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (.....) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ